

Bản án số: **256/2026/HNGĐ-ST**

Ngày 31-7-2026

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Lua

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Đức Tính

Ông Trịnh Hoàng Thám

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Gia Mẫn là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau.

Ngày 31 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 416/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2026 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 268/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lưu Tuyết N, sinh năm 1986. Căn cước công dân số: 096186001349, cấp ngày 27/4/2021 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Cỏ Xước, xã Lương Thế Trân, tỉnh Cà Mau.

Nay là: Ấp Trần Độ, xã Lương Thế Trân, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Ngô Hoàng N1, sinh năm 1988. Chứng minh nhân dân số: 381538552 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã Khánh An, tỉnh Cà Mau.

Nay là: Ấp 9, xã Khánh An, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Lưu Tuyết N trình bày:

Bà và ông Ngô Hoàng N1 tự nguyện tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau (Nay là UBND xã L, tỉnh Cà Mau) theo giấy chứng nhận kết hôn số 120, ngày 05/11/2013. Trong quá trình chung sống bà và ông N1 phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên hôn nhân giữa bà và ông N1 không thể kéo dài đã ly thân khoảng hơn 01 năm. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Ngô Hoàng N1.

Về con chung: Có 01 con chung tên Ngô Khánh B, sinh ngày 24/6/2015, khi ly hôn bà đồng ý giao con chung cho ông N1 nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn ông Ngô Hoàng N1 trình bày: Ông và bà Lưu Tuyết N sống chung từ năm 2013, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Quá trình chung sống không xảy ra mâu thuẫn, cự cãi do kinh tế nên bà N xin cha mẹ đi làm khoảng trên một năm không về. Nay bà N yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý ly hôn với bà Lưu Tuyết N.

Về con chung: Có 01 người tên Ngô Khánh B, sinh ngày 24/6/2015, hiện đang sống chung với ông, khi ly hôn ông yêu cầu được tiếp tục nuôi con không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản về việc ghi nhận nguyện vọng con chung, cháu Ngô Khánh B trình bày: Trường hợp cha mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với cha cháu là ông Ngô Hoàng N1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Lưu Tuyết N, ông Ngô Hoàng N1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Tuyết N và ông Ngô Hoàng N1 tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông N1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà N yêu cầu được ly hôn với ông N1 do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn. Ông N1 cũng đồng ý ly hôn với bà N. Bà N và ông N1 đều xác định hiện nay không còn sống chung với nhau điều này cho thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông N1 đã đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N.

[3]. Về con chung: Bà Lưu Tuyết N và ông Ngô Hoàng N1 xác định có 01 con chung tên Ngô Khánh B, sinh ngày 24/6/2015, hiện đang sống chung với ông N1. Bà N đồng ý giao con chung cho ông N1 tiếp tục nuôi dưỡng, ông N1 cũng yêu cầu được tiếp tục nuôi người con chung nên Hội đồng xét xử giao con chung cho ông N1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Lưu Tuyết N không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Ngô Hoàng N1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lưu Tuyết N và ông Ngô Hoàng N1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét xem xét.

[6]. Về án phí sơ thẩm: Bà Lưu Tuyết N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82,

và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lưu Tuyết N. Bà Lưu Tuyết N được ly hôn với ông Ngô Hoàng N1.

2. Về con chung: Giao con chung tên Ngô Khánh B, sinh ngày 24/6/2015 cho ông Ngô Hoàng N1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Lưu Tuyết N không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Lưu Tuyết N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Bà N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0008219 ngày 19/6/2026 tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 2 – Cà Mau chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 2 – Cà Mau;
- Phòng thi hành án dân sự Khu vực 2 – Cà Mau;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Lụa